TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 665/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ
2. Ông Danh Cư

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1998; Địa chỉ thường trú: 2055/1A đường X, phường Z, quận Y, Thành phố R; Địa chỉ chỗ ở: Ấp A, xã E, huyện S, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L, sinh năm 1993; Địa chỉ: 2055/1A đường X, phường Z, quận Y, Thành phố R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2024 và nộp tại Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/3/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T trình bày: Bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 27/4/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng không hợp nhau về tính cách bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Dù hai bên đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn

nữa, không thể duy trì hôn nhân, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huỳnh Thị Bích T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Bích T xác định giữa bà T và ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Phúc Gia K, sinh ngày 04/01/2020, ngoài ra không còn con chung nào hết. bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phúc Gia K, không yêu cầu ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, bà T đang ở với ba mẹ ruột tại địa chỉ: Ấp A, xã E, huyện S, tỉnh Đ. Căn nhà trên là của ba mẹ bà T. Bà T có công việc ổn định làm công nhân may tại Công ty May mặc M, địa chỉ: Khóm Q, phường C, Thành phố L, tỉnh G. Lương không tăng ca hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và có công việc thêm bên ngoài khoảng 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nên đủ điều kiện lo chi phí cho con hàng tháng. Trẻ sống với mẹ bắt đầu từ lúc sinh ra đến nay ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L không gửi tiền phụ giúp nuôi con và cũng không thăm con cho đến nay. Bà T tạo điều kiện cho ông L thăm nom, chăm sóc, và giáo dục con chung, bà T không ngăn cản.

Toà án giải thích nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, việc người trực tiếp nuôi con và nghĩa cấp dưỡng nuôi con, quyền lợi của con trẻ cho các đương sự rõ theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024. Sau khi nghe Toà án giải thích nhưng bà T vẫn giữ yêu cầu là không yêu cầu ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L cấp dưỡng nuôi con. Trẻ sống với mẹ bắt đầu từ lúc sinh ra đến nay ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L không gửi tiền phụ giúp nuôi con và cũng không thăm con cho đến nay.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai của ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L ngày 28/5/2024, ông L trình bày: Chúng tôi tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 27/4/2018. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 4/2021 vì không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại đã ly thân được 03 năm từ tháng 5/2021 đến nay. Dù hai bên đã cố gắng nhiều lần hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Bà Huỳnh Thị Bích T nộp đơn xin ly hôn thì ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L đồng ý.

Về con chung: Ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L xác định chúng tôi có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Phúc Gia K, sinh ngày 04/01/2020, ngoài ra không còn con chung nào hết. ông L yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu bà Huỳnh Thị Bích T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng và sẽ cho cháu về thăm ông bà được nghỉ hè và khi nào rảnh. Hoặc bà Huỳnh Thị Bích T được quyền nuôi con, ông L đồng ý cấp dưỡng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) hàng tháng vào ngày 15 cho đến khi đủ 18 tuổi. Khi bà T được quyền nuôi con thì phải rõ rang trong việc thăm nuôi cũng như được rướt con về trên Thành phố Hồ Chí Minh chơi và thăm ông bà trong thời gian được nghỉ hè từ ngày 01/6 đến hết ngày 31/8 hàng năm.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 31/7/2024, Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nhận từ Bưu điện chuyển phát nhanh bản tự khai của ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L đề ngày 28/5/2024 với nội dung: Chúng tôi tự nguyện chung sống với nhau từ 8/7/2018 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 6, Quận 8 ngày 27/4/2018. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 4/2021 vì không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại đã ly thân từ tháng 5/2021. Dù hai bên đã cố gắng nhiều lần hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Bà Huỳnh Thị Bích T nộp đơn xin ly hôn thì ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L đồng ý.

Về con chung: Ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L xác định chúng tôi có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Phúc Gia K, sinh ngày 04/01/2020. ông L yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu bà Huỳnh Thị Bích T cấp dưỡng. Ngày 28/6/2024 ông L có nộp 01 bản tự khai trong đó có nội dung ông L sẽ chu cấp 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) hàng tháng thì nay ông L xin được ngừng chu cấp vì ông L không biết rõ tình hình sức khoẻ của con như thế nào và cũng như không được thăm nuôi trong suốt thời gian bà Huỳnh Thị Bích T dắt con đi từ tháng 5/2021 cho đến nay.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử theo quy định pháp luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị Bích T.

Bị đơn ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L vắng mặt không có lý do. Do vậy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Bích T thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L hiện cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 27/4/2018) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T cho rằng: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021 do hai bên không hợp với nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cải nhau mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên năm 2021 sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể nào hàn gắn hạnh phúc gia đình; Dù hai bên đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L đến Tòa để tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L vẫn vắng mặt mà không có lý do nhưng tại bản tự khai của ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L vào ngày 28/5/2024, ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L xác định mâu thuẫn gia đình phát sinh vào tháng 4 năm 2021 là do không tìm được tiếng nói chung nên tháng 5/ 2021 vợ chồng sống ly thân. bà T yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L đồng ý. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Về nuôi con chung: Bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là Nguyễn Phúc Gia K, sinh ngày 04/01/2020, ngoài ra không còn con chung nào khác. bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Phúc Gia K, không yêu cầu ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà T và trẻ Nguyễn Phúc Gia K, sinh ngày 04/01/2020 đang ở với ba mẹ ruột tại địa chỉ: Ấp A, xã E, huyện S, tỉnh Đ. Căn nhà trên là của ba mẹ bà T. bà T có công việc ổn định làm công nhân may tại Công ty May mặc MN, địa chỉ: Khóm Q, phường C, Thành phố L, tỉnh G. Lương không tăng ca hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và có công việc thêm bên ngoài khoảng 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nên đủ điều kiện lo chi phí cho con hàng tháng. Trẻ sống với mẹ bắt đầu từ lúc sinh ra đến nay ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L không gửi tiền phụ giúp nuôi con và cũng không thăm con cho đến nay. bà T tạo điều kiện cho ông L thăm nom, chăm sóc, và giáo dục con chung, bà T không ngăn cản.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L đến Tòa để tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung và tài liệu, chứng cứ chứng minh điệu kiện trực tiếp nuôi con nhưng ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L vẫn vắng mặt mà không có lý do tại Bản tự khai của ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L ngày 28/5/2024, ông L trình bày: Ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L có yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Phúc Gia K, sinh ngày 04/01/2020. ông L yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu bà Huỳnh Thị Bích T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng và sẽ cho cháu về thăm ông bà được nghỉ hè và khi nào rảnh. Hoặc bà Huỳnh Thị Bích T được quyền nuôi con, ông L đồng ý cấp dưỡng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) hàng tháng vào ngày 15 cho đến khi đủ 18 tuổi. Khi bà T được quyền nuôi con thì phải rõ rang trong việc thăm nuôi cũng như được rướt con về trên Thành phố Hồ Chí Minh chơi và thăm ông bà trong thời gian được nghỉ hè từ ngày 01/6 đến hết ngày 31/8 hàng năm. Ngày 31/7/2024, Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nhận từ Bưu điện chuyển phát nhanh bản tự kai của ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L đề ngày 28/5/2024 thì ông L yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu bà Huỳnh Thị Bích T cấp dưỡng. Ngày 28/6/2024 ông L có nộp 01 bản tự khai trong đó có nội dung ông L sẽ chu cấp 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) hàng tháng thì nay ông L xin được ngừng chu cấp vì ông L không biết rõ tình hình sức khoẻ của con như thế nào và cũng như không được thăm nuôi trong suốt thời gian bà Huỳnh Thị Bích T dắt con đi từ tháng 5/2021 cho đến nay.

Việc Toà án giải thích nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, việc người trực tiếp nuôi con và nghĩa cấp dưỡng nuôi con, quyền lợi của con trẻ cho các đương sự rõ theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024. Ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L vắng mặt không lý do. Sau khi nghe Toà án giải thích nhưng bà Huỳnh Thị Bích T vẫn giữ yêu cầu là không yêu cầu ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L cấp dưỡng nuôi con. Trẻ sống với mẹ bắt đầu từ lúc sinh ra đến nay ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L không gửi tiền phụ giúp nuôi con và cũng không thăm con cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ, Nguyễn Phúc Gia K, sinh ngày 04/01/2020. Ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L, đã được Tòa án nhiều lần triệu ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L đến Tòa để tạo điều kiện cho ông L và bà T hòa giải, thỏa thuận việc nuôi con chung nhưng ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L vẫn vắng mặt mà không có lý do. Điều này thể hiện ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L đã từ bỏ quyền lợi của mình, không còn tha thiết đến việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, bà Huỳnh Thị Bích T và trẻ Nguyễn Phúc Gia K, sinh ngày 04/01/2020 đang ở với ba mẹ ruột tại địa chỉ: Ấp A, xã E, huyện S, tỉnh Đ. Căn nhà trên là của ba mẹ bà T. bà T có công việc ổn định làm công nhân may tại Công ty May mặc MN, địa chỉ: Khóm Q, phường C, Thành phố L, tỉnh G. Lương không tăng ca hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và có công việc thêm bên ngoài khoảng 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nên đủ điều kiện lo chi phí cho con hàng tháng. Trẻ sống với mẹ bắt đầu từ lúc sinh ra đến nay ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L không gửi tiền phụ giúp nuôi con và cũng không thăm con cho đến nay. bà T tạo điều kiện cho ông L thăm nom, chăm sóc, và giáo dục con chung, bà T không ngăn cản.Theo ông L trình bày thì ông L không biết rõ tình hình sức khoẻ của con như thế nào và cũng như không được thăm nuôi trong suốt thời gian bà Huỳnh Thị Bích T dắt con đi từ tháng 5/2021 cho đến nay. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con, trong đó có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho bà Huỳnh Thị Bích T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L cho đến khi bà Huỳnh Thị Bích T có yêu cầu là phù hợp. Ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản quy định tại các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L.

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 58 của Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/4/2018).

- Về nuôi con chung: Giao 01 (một) con chung tên là Nguyễn Phúc Gia K, sinh ngày 04/01/2020 cho bà Huỳnh Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L cho đến khi bà T có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Bùi Hoàng Duy L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng bà Huỳnh Thị Bích T hoàn toàn tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0000808 ngày 29/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị Bích T được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Tiên